HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐỐP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND Dự thảo	*Bù Đốp, ngày tháng năm 2022.*

NGHỊ QUYẾT
Dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách huyện năm 2022, huyện Bù Đốp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐỐP
KHOÁ V, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ Sáu về dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2022, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao dự toán điều chỉnh thu, chi NSNN năm 2022;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2022; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTXH ngày tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến đóng góp của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương năm 2022, như sau:

1. Tổng thu ngân sách địa phương: **961.996 triệu đồng.**

Trong đó: Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 570.000 triệu đồng.

(*Có biểu chi tiết kèm theo*)

2. Tổng chi ngân sách địa phương: **961.996 triệu đồng.**

(*Có biểu chi tiết kèm theo*)

Điều 2. Phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021 như sau:

Tổng chi ngân sách địa phương: **961.996 triệu đồng.**

Chi trong cân đối ngân sách huyện: 961.996 triệu đồng

Trong đó:

- Chi ngân sách huyện: 878.861 triệu đồng.
- Chi ngân sách xã, thị trấn: 83.135 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 3. Để hoàn thành nhiệm vụ thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2022, các ngành, các cấp cần triển khai thực hiện tốt các nội dung trọng tâm sau:

1. Về thu ngân sách:

Các cơ quan quản lý thu và Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn cần phối hợp chặt chẽ nhằm khai thác tốt các nguồn thu theo Luật định, tập trung khai thác tốt các nguồn thu lớn như: Thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ, để đảm bảo cân đối ngân sách theo dự toán được phân bổ.

Tăng cường các biện pháp thu nợ và cưỡng chế nợ thuế theo quy định của Luật quản lý thuế, đảm bảo thu dứt điểm các khoản nợ đọng thuế có khả năng thu, nộp kịp thời vào ngân sách Nhà nước.

Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn cần tập trung khai thác thật tốt các nguồn thu đã được phân cấp quản lý. Phối hợp với cơ quan thuế thu nộp vào NSNN kịp thời.

Tập trung triển khai các dự án đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nhằm đảm bảo nguồn chi cho các công trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản được bố trí từ nguồn thu này.

2. Về chi ngân sách:

Trên cơ sở dự toán điều chỉnh ngân sách năm 2022 được giao, các ngành các cấp triển khai các biện pháp điều hành, chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao, nâng cao hiệu quả và đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, tiết kiệm chi thường xuyên và ưu tiên chi các nhiệm vụ quan trọng, đảm bảo an sinh xã hội.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện; Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Bù Đốp khóa V, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách huyện năm 2022/.

***Nơi nhận*:**
- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐỐP

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU 2022			
		TỈNH GIAO	HUYỆN GIAO	Chia ra	
				Huyện	Xã
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	**548.000**	**570.000**	**557.400**	**12.600**
A	**Tổng các khoản thu cân đối NSNN**	**548.000**	**570.000**	**557.400**	**12.600**
I	**Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước**	548.000	570.000	557.400	12.600
1	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước TW	-	-	-	-
	- Thuế giá trị gia tăng		-		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		-		
	- Thuế tài nguyên		-		
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	600	600	600	-
	- Thuế giá trị gia tăng	300	300	300	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	300	300	300	
	- Thuế tài nguyên		-		
3	Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	101.000	101.000	96.180	4.820
	- Thuế GTGT	97.500	97.500	92.680	4.820
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.200	3.200	3.200	-
	- Thuế tài nguyên	150	150	150	-
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	150	150	150	-
	- Thu khác ngoài quốc doanh		-	-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	21.000	21.000	21.000	-
5	Thuế bảo vệ môi trường		-	-	-
6	Lệ phí trước bạ	28.000	28.000	20.970	7.030
7	Thu phí và lệ phí	2.500	2.500	1.750	750
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	100	100	-
9	Thu tiền sử dụng đất	360.000	380.000	380.000	-
10	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	30.000	32.000	32.000	-
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	200	200	200	-
12	Thu khác	4.600	4.600	4.600	-
	+Trong đó thu xử phạt ATGT	*1.700*	*1.700*	*1.700*	-
B	**Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN**	-	-	-	-
	1 Các khoản huy động đóng góp		-	-	
	2 Các khoản thu, phí lệ phí khác		-	-	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**936.556**	**961.996**	**878.861**	**83.135**
A	**Tổng các khoản thu cân đối NSNN**	**936.556**	**961.996**	**878.861**	**83.135**
1	**Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp**	**502.150**	**517.970**	**505.370**	**12.600**
	- Các khoản thu 100%	5.500	5.500	4.750	750
	- Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	496.650	512.470	500.620	11.850
2	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**434.406**	**428.093**	**359.300**	**68.793**
	- Bổ sung cân đối	291.013	291.013	254.963	36.050
	+ Trong đó: vốn XDCB Trong cân đối	*23.415*	*23.415*	*23.415*	-
	- Bổ sung có mục tiêu	116.424	116.424	83.681	32.743
	- Bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán	26.969	20.656	20.656	-
3	**Nguồn cải cách tiền lương**			-	
4	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		**2.304**	**1.417**	**887**
5	**Thu chuyển nguồn**		**13.629**	**12.774**	**855**
B	**Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN**	-	-	-	-
	1 Các khoản huy động đóng góp	-	-	-	
	2 Các khoản thu, phí lệ phí khác	-	-	-	-

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐỐP

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NĂM 2022			
		TỈNH GIAO	HUYỆN GIAO	CHIA RA	
				HUYỆN	XÃ
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**936.556**	**961.996**	**879.039**	**82.957**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH**	**936.556**	**961.996**	**879.039**	**82.957**
I	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**	**396.773**	**493.893**	**493.893**	**-**
a	Vốn đầu tư XDCB theo phân cấp	23.415	23.415	23.415	
b	XDCB từ nguồn sử dụng đất	348.880	348.880	348.880	
c	Vốn đầu tư XDCB theo phân cấp (nguồn XSKT)	7.000	7.000	7.000	
d	Vốn ngân sách huyện		82.000	82.000	
e	BTXM (vốn ngân sách huyện)		15.120	15.120	
f	Vốn CTMTQG NTM	15.000	15.000	15.000	
g	Vốn BTXM NS tỉnh hỗ trợ	2.478	2.478	2.478	
II	**TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN**	**521.766**	**437.212**	**355.440**	**81.772**
1	**CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ**		**96.516**	**71.093**	**25.423**
1.1	Chi sự nghiệp nông lâm thủy lợi		8.154	8.154	
1.2	Chi sự nghiệp giao thông		19.000	4.012	14.988
1.3	Chi SN kiến thiết thị chính, SN khác		69.362	58.927	10.435
2	**Chi sự nghiệp môi trường**		**6.153**	**6.153**	
3	**Sự nghiệp giáo dục & đào tạo**		**149.717**	**149.717**	
4	**Chi sự nghiệp y tế**		**40.164**	**40.164**	
5	**Sự nghiệp Văn hóa du lịch & thể thao**		**2.797**	**2.797**	
6	**Sự nghiệp phát thanh truyền hình**		**1.097**	**1.097**	
7	**Chi đảm bảo xã hội**		**8.570**	**8.570**	
8	**Chi Quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội**		**104.384**	**60.903**	**43.481**
9	**Chi Quốc phòng - An ninh**		**25.814**	**12.946**	**12.868**
9.1	Chi quốc phòng		19.905	9.940	9.965
9.2	Chi An ninh		5.909	3.006	2.903
10	**Chi khác ngân sách**	**1.774**	**2.000**	**2.000**	
III	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**18.017**	**18.017**	**16.932**	**1.085**
IV	**CHI CHUYỂN NGUỒN**		**12.874**	**12.774**	**100**